

Số: 2507/BC-SGDĐT

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**Tổng kết năm học 2019-2020; phương hướng, nhiệm vụ**  
**năm học 2020-2021**

Năm học 2019-2020 diễn ra trong bối cảnh tình hình quốc tế có nhiều biến động; kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn do xảy ra đại dịch COVID-19; năm học chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; triển khai Kết luận 51 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”; tập trung triển khai Nghị quyết 88 của Quốc hội về đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, áp dụng từ năm học 2020-2021; tập trung triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu, 05 nhóm giải pháp cơ bản của ngành theo Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở kết quả chỉ đạo của ngành, kết quả thực hiện nhiệm vụ của huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở giáo dục trong tỉnh, Sở GDĐT báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2020-2021 như sau:

**Phần 1**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2019 - 2020**

**I. Công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương**

**1. Tổ chức tuyên truyền, triển khai các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của Bộ GDĐT và của UBND tỉnh đến đội ngũ, cán bộ, giáo viên trong ngành đảm bảo đồng bộ, kịp thời, hiệu quả.**

Toàn ngành đã tập trung hướng dẫn, triển khai đến các đơn vị, cơ sở giáo dục thực hiện chỉ thị, quyết định của Bộ GDĐT, của tỉnh về nhiệm vụ năm học 2019-2020<sup>1</sup>; công tác phòng, chống dịch COVID-19.

**2. Tham mưu với Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành chỉ thị, quyết định, các đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành.**

---

<sup>1</sup>Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT ngày 08/8/2019 của Bộ GDĐT về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2019-2020 của ngành Giáo dục; Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục tỉnh Thanh Hóa năm học 2019-2020; Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch thời gian năm học 2019-2020 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống COVID-19; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng CP về tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trong tình hình mới,...

Sở GDĐT đã tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành chỉ thị, quyết định về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2019-2020; các giải pháp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2019- 2020 của ngành GDĐT<sup>2</sup>;

Xây dựng các đề án, dự án, kế hoạch và cơ chế chính sách tạo động lực phát triển ngành, phù hợp với yêu cầu giai đoạn hiện nay<sup>3</sup>.

### **3. Hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy định của ngành, của tỉnh trên các lĩnh vực được giao**

Sở GDĐT đã hướng dẫn các đơn vị, cơ sở giáo dục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm năm học 2019-2020; tổ chức tốt Lễ khai giảng năm học, ngày toàn dân đưa trẻ đến trường theo quy định; xây dựng kế hoạch hành động phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trong các đơn vị, trường học; tổ chức thành công Hội nghị điểm điển hình tiên tiến ngành GDĐT giai đoạn 2015-2020; thực hiện nghiêm túc các quy định của ngành<sup>4</sup>; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đại trà; duy trì, giữ vững chất lượng giáo dục mũi nhọn; tổ chức các kỳ thi, hội thi an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế; tiếp tục tăng cường các điều kiện cần thiết để đảm bảo hoạt động dạy và học<sup>5</sup>.

## **II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chủ yếu năm học**

### **1. Sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp với thực tế, theo kế hoạch của UBND tỉnh**

#### *1.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Sở GDĐT*

Tuyên truyền, hướng dẫn, chỉ đạo đội ngũ cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh tăng cường công tác phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện việc dồn dịch các điểm lẻ trường mầm non, tiểu học; công tác ghép trường phổ

---

<sup>2</sup> Kế hoạch số 2769/KH-SGDĐT ngày 14/10/2019 triển khai, thực hiện Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT của Bộ GDĐT;

<sup>3</sup> Đề án “Thí điểm tự chủ một số trường THPT công lập tỉnh Thanh Hóa”; Dự án “Thí điểm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy học tại các trường học thuộc ngành GDĐT Thanh Hóa”;

<sup>4</sup> Công văn số 1393/SGDĐT- GDTrH ngày 06/6/2019 về việc chấn chỉnh thực hiện Kế hoạch thời gian năm học; Công văn số 1828/SGDĐT- GDTrH ngày 01/8/2019 hướng dẫn cấp và gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm; Kế hoạch số 186/KH-SGDĐT ngày 06/02/2020 về phòng, chống COVID-19; Công văn số 997/SGDĐT-CTTT ngày 16/4/2020 về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, học sinh trong quá trình học tập qua Internet; Công văn số 2358/SGDĐT-CTTT ngày 09/9/2019, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh năm học 2019-2020;

<sup>5</sup> Công văn số 1859/SGDĐT-TCCB ngày 25/7/2019 về việc bố trí, sắp xếp CBGV năm 2019; Kế hoạch số 2944/KH-SGDĐT ngày 29/10/2019 về việc tuyển dụng giáo viên THPT năm 2019; Công văn số 315/SGDĐT- KHTC ngày 18/11/2019 về việc hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố chuẩn bị CSVC thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới và mua đồ dùng dạy học lớp 1 năm học 2020-2021;

thông phù hợp với điều kiện địa phương, theo nghị quyết HĐND và quyết định của UBND tỉnh<sup>6</sup>.

Thực hiện sắp xếp lại mạng lưới các trường phổ thông; kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục tỉnh Thanh Hóa năm học 2019-2020; triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

### *1.2. Kết quả thực hiện*

Toàn ngành thực hiện cơ bản việc sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp, theo kế hoạch của tỉnh. Sau 4 năm thực hiện, đến nay số trường giảm 86 trường, đạt tỷ lệ 75,44 %; giảm so với năm học 2018-2019 là 33 trường, trong đó: Trường tiểu học giảm 28 trường; trường THCS giảm 24 trường; trường TH&THCS tăng 19 trường; đã hoàn thành việc giải thể, sáp nhập 13 trường THPT (trong 2 năm học 2018-2019; 2019-2020) theo Nghị quyết 103 của HĐND tỉnh.

Việc sắp xếp mạng lưới trường, lớp trên địa bàn toàn tỉnh đã từng bước được thực hiện có hiệu quả, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện học tập của nhân dân; từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

### *1.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân*

Về cơ sở vật chất và con người chưa được đầu tư để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; một số trường học có quy mô nhỏ chưa thực hiện việc sắp xếp (trường tiểu học dưới 10 lớp; trường THCS dưới 8 lớp); việc dồn dịch các điểm lẻ của giáo dục mầm non, tiểu học, thuộc khu vực miền núi còn chậm.

Nguyên nhân là do đang trong quá trình triển khai sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã; một số cấp ủy, chính quyền các địa phương chưa quyết liệt trong việc tổ chức thực hiện; việc bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, giáo viên vẫn còn khó khăn.

## **2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục các cấp**

### *2.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Sở GDĐT*

Hướng dẫn triển khai, chỉ đạo toàn ngành thực hiện nghiêm túc chỉ thị, quyết định của Bộ GDĐT ban hành quy định về đạo đức nhà giáo; tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo<sup>7</sup>.

Tập trung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, không ngừng nâng cao trình độ chuẩn, trên chuẩn; thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới công tác sinh hoạt chuyên môn tổ, khối; công tác nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm.

---

<sup>6</sup> Quyết định số: 5308/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Nghị quyết số 103/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh;

<sup>7</sup> Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 05/7/2018; Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008; Công văn số 3043/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí, sắp xếp, tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giáo viên đảm bảo dân chủ, kịp thời, đúng quy định.

## *2.2. Kết quả thực hiện*

Năm học 2019-2020, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong ngành cơ bản ổn định số lượng. Toàn tỉnh có 50.031 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó cán bộ quản lý giáo dục 4.845 người, giáo viên 42.069 người, nhân viên 3.117 người.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, bố trí, điều chuyển đội ngũ cán bộ, giáo viên theo hướng đảm bảo đồng bộ về bộ môn, nâng cao chất lượng giáo dục; thực hiện xong việc bố trí, sắp xếp cho 537 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính của 13 trường THPT công lập giải thể, sáp nhập. Đồng thời, thực hiện quyết liệt, triệt để việc điều động có thời hạn đối với gần 200 giáo viên THPT từ đơn vị thừa đến đơn vị thiếu giáo viên cùng bộ môn. Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh, khối các đơn vị trực thuộc Sở cơ bản không còn tình trạng giáo viên dôi dư;

Đặc biệt, trong tháng 6/2020, Sở GDĐT phối hợp với Sở Nội vụ, các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tuyển dụng được 282/305 chỉ tiêu giáo viên THPT, đảm bảo dân chủ, khách quan, công bằng, đúng quy định, được cán bộ, giáo viên trong ngành và toàn xã hội đồng tình, đánh giá cao.

Nhìn chung đội ngũ CBQL, giáo viên trong tỉnh có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng, NCKH và viết SKKN; tỉ lệ đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo tiếp tục được nâng lên<sup>8</sup>.

Công tác đánh giá, bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ, giáo viên đảm bảo nghiêm túc, khách quan, dân chủ và công bằng.

## *2.3. Tồn tại, hạn chế*

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên vẫn còn thừa, thiếu cục bộ<sup>9</sup>; năng lực quản lý của một số CBQL còn hạn chế; có lúc, có nơi công tác tham mưu chưa thật sự quyết liệt, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Trình độ, năng lực nghề nghiệp của một số giáo viên còn yếu, việc đổi mới phương pháp giảng dạy còn chậm; chưa tự bồi dưỡng, trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.

## **3. Đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, đẩy mạnh giáo**

---

<sup>8</sup> Trong năm học có 23 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, cao cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận lý luận chính trị; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 2862 lượt cán bộ, công chức, viên chức; có 392 lượt CB, GV được tập huấn đánh giá ngoài. Đến nay, đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD đạt chuẩn trở lên 99,98%, trong đó trên chuẩn 76,96%.

<sup>9</sup> Khối trường trực thuộc huyện quản lý: Mầm non, thiếu gần 3000 GV; tiểu học, thiếu 2597 GV; trung học cơ sở thiếu 189 (tuy nhiên có tình trạng thừa thiếu bất cập trong từng huyện). Khối trường học trực thuộc Sở (THPT công lập), sau khi tuyển dụng 282 giáo viên, còn thiếu hơn 553 người (trong đó CBQL: 37; giáo viên: 269; nhân viên: 247).

## **dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông, công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập**

### *3.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Sở GDĐT*

- Đối với giáo dục mầm non: Tăng cường áp dụng đa dạng các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp và khả năng của trẻ; chú trọng xây dựng môi trường giáo dục nhằm tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo theo phương châm “Học bằng chơi, chơi mà học” phù hợp với lứa tuổi; tổ chức thực hiện chương trình GDMN sau chỉnh sửa, bổ sung; tiếp tục thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số, giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”.

- Đối với giáo dục phổ thông (GDPT): Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đại trà; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện đổi mới chương trình GDPT bắt đầu thực hiện năm học 2020-2021; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

- Giáo dục thường xuyên: Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT; tổ chức dạy văn hóa kết hợp với dạy nghề cho học sinh; đưa nội dung kinh doanh dịch vụ vào chương trình môn công nghệ lớp 10 và các hoạt động giáo dục; thường xuyên cung cấp thông tin về ngành, nghề mà xã hội đang có nhu cầu,...

- Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn

### *3.2. Kết quả thực hiện*

- Giáo viên đều nắm vững và thực hiện có hiệu quả đổi mới phương pháp giảng dạy; chuẩn bị tâm thế thực hiện đổi mới chương trình SGK phổ thông. Công tác quản lý giáo dục đã có sự chuyển biến tích cực, nhất là việc thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch trong các hoạt động của nhà trường.

- 100% trường trung học triển khai thực hiện chương trình giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT, phù hợp với thực tế các địa phương. Nhiều trường THPT đã thành lập câu lạc bộ tư vấn nghề nghiệp; phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

### *3.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân*

- Nhận thức của một số CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh học sinh về công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông còn hạn chế. Phần lớn học sinh lớp 12 thường đăng ký vào học các trường đại học, cao đẳng, tỉ lệ học sinh có nguyện vọng vào các trường TCCN còn ít.

- Công tác định hướng nghề nghiệp cho học sinh còn thiếu đội ngũ chuyên gia; thiếu CSVC, thiết bị; chương trình giáo dục hướng nghiệp dạy nghề phổ thông thiếu kết cấu liên mạch để phát triển con đường học nghề cho học sinh, tạo điều kiện liên thông ở cấp sau THPT.

#### **4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo**

##### *4.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Sở GDĐT*

Chỉ đạo, hướng dẫn các nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ theo Đề án của Bộ GDĐT, Đề án của UBND tỉnh<sup>10</sup>.

Phối hợp với trường Đại học Vinh, tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ; nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên tiếng Anh<sup>11</sup>; tiếp tục thí điểm chương trình nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh<sup>12</sup>.

Tập trung đổi mới phương pháp giảng dạy; tăng cường công tác bồi dưỡng kỹ năng dạy, học và đánh giá môn Tiếng Anh trong các trường tiểu học, THCS, THPT; tăng cường CSVC, thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin; công tác kiểm tra, cấp chứng chỉ cho giáo viên đạt chuẩn theo quy định của Bộ GDĐT; thực hiện đồng bộ chương trình sách giáo khoa mới.

Cho thành lập, cấp phép hoạt động cho tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng dịch vụ học ngoại ngữ đúng quy định của pháp luật.

##### *4.2. Kết quả thực hiện*

Chất lượng dạy học ngoại ngữ đã có sự chuyển biến khả quan<sup>13</sup>; việc tổ chức đánh giá năng lực tiếng Anh đã được thực hiện với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và triển khai phần tự luận trong các bài kiểm tra viết, vận dụng định dạng đề thi tiếng Anh đối với học sinh học chương trình tiếng Anh hệ 10 năm.

Đến nay, Sở đã cấp phép hoạt động dạy học ngoại ngữ cho 135 trung tâm ngoại ngữ, tin học; hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học đã tạo môi trường ngoại ngữ trong tỉnh có bước chuyển biến, tiên bộ, có tác động tích cực đến đổi mới phương pháp dạy và học ngoại ngữ trong các nhà trường, từng bước đáp ứng tốt hơn nhu cầu học ngoại ngữ của mọi đối tượng trong xã hội.

##### *4.3. Khó khăn, hạn chế*

---

<sup>10</sup> Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 của Bộ GDĐT; Quyết định số 3475/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025”.

<sup>11</sup> Kết quả, có 70 giáo viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh); 150 giáo viên được bồi dưỡng năng lực sư phạm (bồi dưỡng phương pháp giảng dạy).

<sup>12</sup> Tiếp tục thí điểm chương trình nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh trong các trường THPT huyện Hậu Lộc.

<sup>13</sup> Toàn tỉnh, có 95,5% trường tiểu học, 100% THCS, THPT dạy và học tiếng Anh theo chương trình 7 năm và 10 năm; tiếp tục triển khai chương trình tiếng Anh thí điểm 10 năm đối với Trường Tiểu học Ba Đình (TP. Thanh Hóa), Trường THCS Nguyễn Chí (Đông Sơn), Trường THPT Hậu Lộc 2 (Hậu Lộc)

Chất lượng giảng dạy môn tiếng Anh trong các nhà trường tuy có chuyển biến nhưng còn thấp so với yêu cầu, nhất là khu vực miền núi vùng cao, vùng khó khăn; CSVN, thiết bị dạy học tiếng Anh còn thiếu, lạc hậu; đội ngũ giáo viên giảng dạy tiếng Anh còn thiếu nhiều.

## **5. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục**

### *5.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Sở GDĐT*

Chỉ đạo, triển khai đến các đơn vị, cơ sở giáo dục thực hiện có hiệu quả đề án của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong trường học<sup>14</sup>.

Tuyên truyền, vận động và khuyến khích cán bộ, giáo viên ứng dụng CNTT trong các hoạt động chuyên môn và quản lý; huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT; tăng cường công tác xã hội hóa trong việc huy động kinh phí để trang bị máy tính dạy học; thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc đầu tư và ứng dụng CNTT tại các cơ sở giáo dục; tổ chức thao giảng cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh và khuyến khích giáo viên ứng dụng CNTT trong giờ dạy, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn trên mạng thông tin “Trường học kết nối”.

Xây dựng dự án thí điểm tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, hỗ trợ các hoạt động dạy học; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và khả năng ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, như VNPT Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa để đưa Internet, các phần mềm ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy ở các cơ sở giáo dục.

### *5.2. Kết quả thực hiện*

- Các đơn vị, trường học trong tỉnh đều sử dụng Internet; có hộp thư điện tử, ứng dụng CNTT vào giảng dạy và quản lý giáo dục; cơ sở hạ tầng CNTT được tăng cường theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu hiện nay;

- Đội ngũ giáo viên Tin học được tăng cường; 100% đạt chuẩn và trên chuẩn, có đủ khả năng tiếp nhận và khai thác thiết bị CNTT cũng như phần mềm ứng dụng trong quản lý giáo dục và dạy học;

- Tăng cường tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên và CBQL; các trường trung học đều kết hợp giữa tập huấn trực tiếp và tập huấn qua mạng thông tin “Trường học kết nối”;

- Cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT Thanh Hóa đã cung cấp thông tin rộng rãi tới cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh và người dân về hoạt động của ngành.

---

<sup>14</sup> Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy và học giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025; Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh phê duyệt đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020; Công văn số 2561/SGDĐT-VP, ngày 26/9/2019, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2019-2020.

Việc ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy, học được đẩy mạnh trong các cơ sở giáo dục. Năm học 2019-2020 là năm học đầu tiên các trường phổ thông sử dụng sổ điểm điện tử. Nhiều giáo viên đã tích cực ứng dụng CNTT, khai thác và sử dụng hiệu quả các phần mềm phục vụ cho dạy học. Cơ quan Sở GDĐT thực hiện có hiệu quả việc quản lý văn bản đến, văn bản đi trên hệ thống Tdoffice và thực hiện ký điện tử.

Đặc biệt, để thực hiện giải pháp vừa chống dịch COVID-2019 (học sinh không đến trường ở những thời điểm nóng) vừa thực hiện đảm bảo chương trình kế hoạch năm học, nhiều trường học đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, thông qua việc giảng dạy trực tuyến và học tập trên truyền hình.

### *5.3. Khó khăn, hạn chế*

- Cơ sở hạ tầng CNTT thiếu, chưa đồng bộ và thống nhất; các phần mềm mô phỏng, thí nghiệm, công cụ thiết kế bài giảng phần lớn là do nước ngoài sản xuất nên việc khai thác, ứng dụng còn hạn chế.

- Phát triển CNTT còn chênh lệch rất lớn giữa các vùng miền trong tỉnh, một số cán bộ, giáo viên sử dụng CNTT còn lúng túng, hạn chế.

- Việc triển khai quản lý hồ sơ, sổ điểm điện tử trong nhà trường, bước đầu còn bất cập, chưa có quy chế rõ ràng.

## **6. Tăng cường CSVC đảm bảo chất lượng các hoạt động GDĐT**

### *6.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Sở GDĐT*

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án tăng cường CSVC, thiết bị dạy học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo yêu cầu đổi mới GDĐT, giai đoạn 2015-2020.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, trường học tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, của Bộ GDĐT và của tỉnh quy định về chuẩn CSVC, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, GDPT<sup>15</sup>.

- Đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục, tăng thêm nguồn kinh phí để tu sửa, nâng cấp, cải tạo nhỏ, mua sắm các thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy của các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT trong tỉnh.

### *6.2. Kết quả thực hiện*

- Về phòng học kiên cố, cao tầng, đến tháng 8/2020 toàn tỉnh có 22.771/26.024 phòng học, đạt tỉ lệ 87,7%.

- Về trường chuẩn quốc gia, đến tháng 8/2020, toàn tỉnh có 1.525 trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 72,69%. Toàn ngành đã hoàn

---

<sup>15</sup> Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 27/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường đầu tư và quản lý, sử dụng các công trình vệ sinh, nước sạch trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

thành chỉ tiêu giao về phòng học kiên cố, cao tầng, trường đạt chuẩn quốc gia trước thời gian quy định.

Đặc biệt, toàn ngành đã chuẩn bị CSVC, thiết bị dạy học để thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông bắt đầu từ năm học 2020-2021; tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng CSVC và thiết bị dạy học hiện có của các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tăng cường CSVC, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, cụ thể:

Tổng nhu cầu kinh phí tăng cường CSVC, thiết bị dạy học giai đoạn 2021-2025 là 5.949.823 triệu đồng, bao gồm: Xây dựng kiên cố hóa, trường lớp học; bổ sung cơ sở vật chất trường học; mua sắm thiết bị dạy học.

Phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh triển khai mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 để thực hiện chương trình sách giáo khoa mới từ năm học 2020-2021 cho các trường vùng đặc biệt khó khăn (169 trường tiểu học) với tổng kinh phí hơn 33 tỷ đồng.

Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để mua thiết bị cho 432 trường tiểu học, TH&THCS (tại các huyện không đảm bảo được kinh phí) với kinh phí hơn 76 tỷ đồng.

### *6.3. Khó khăn, hạn chế*

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tuy được quan tâm đầu tư xây dựng, song một số trường học còn khó khăn: Thiếu phòng đa năng; phòng bộ môn; thiếu thiết bị dạy học; một số phòng học đã xuống cấp nhưng không có kinh phí để tu sửa kịp thời; một số trường học còn thiếu diện tích đất để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, thiếu công trình vệ sinh, hệ thống nước sạch,...

- Bậc học mầm non còn thiếu phòng học nên phải sử dụng phòng học tạm, phòng học mượn, học nhờ (còn chiếm khoảng 15%).

- Kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn của các cơ sở giáo dục còn thấp (mới đạt 10%, có đơn vị chỉ đạt 7-8%), rất khó khăn trong hoạt động chuyên môn cũng như công tác tu bổ, nâng cấp CSVC, thiết bị dạy học nhà trường.

## **7. Công tác nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, quan tâm chất lượng giáo dục mũi nhọn**

### *7.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Sở GDĐT*

- Ngay từ đầu năm học, ngành đã tập trung chỉ đạo quyết liệt nâng cao chất lượng giáo dục đại trà đối với tất cả các cấp học, bậc học, phấn đấu đứng trong top 20/63 tỉnh, thành trong cả nước có tỉ lệ đỗ tốt nghiệp THPT cao, thông qua các giải pháp: Giao khoán chất lượng giáo dục năm học 2019-2020 đến từng huyện, từng trường học và từng giáo viên giảng dạy cụ thể, phù hợp; chống học sinh học lệch; tăng cường phụ đạo học sinh có học lực yếu, kém; thực hiện đánh giá, xếp loại học sinh thực chất; tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp; giáo dục đạo đức, giáo

dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp đối với học sinh; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ trong nhà trường.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013-2020”; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, giáo viên, học sinh ở khu vực miền núi.

- Chỉ đạo kịp thời, sát sao, hiệu quả việc tổ chức giảng dạy, học tập qua Internet, trên truyền hình trong thời gian phòng, chống dịch COVID-19.

### 7.2. Kết quả thực hiện

Về chất lượng giáo dục toàn diện: Toàn ngành giữ vững kết quả PCGD-XMC 27/27 huyện, thị xã, thành phố, giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (mức độ cao nhất hiện nay).

Chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục được quan tâm, duy trì trong tốp đầu cả nước về thành tích thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

Giáo dục mầm non: Đã làm tốt việc huy động các cháu nhà trẻ, mẫu giáo trong độ tuổi đến trường, nhất là khu vực vùng cao, vùng khó khăn; chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được nâng lên<sup>16</sup>.

Giáo dục phổ thông: Chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi, khá tăng; tỷ lệ học sinh yếu, kém được giảm so với năm học trước<sup>17</sup>.

Giáo dục thường xuyên: Đã tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THPT theo đúng quy định của Bộ GDĐT; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dạy văn hóa với dạy nghề; công tác xây dựng xã hội học tập tiếp tục thu được kết quả tốt, góp phần xây dựng phong trào nông thôn mới; hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống được mở rộng, đảm bảo quy định.

Toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh đảm bảo an toàn sức khỏe; 100 đơn vị, trường học thực hiện đảm bảo chương trình giảng dạy năm học.

### 7.3. Khó khăn, hạn chế

---

<sup>16</sup> Số trường mầm non tổ chức bán trú: 678 trường, tỷ lệ 99% (tăng 9 trường); Số trẻ bán trú: 216.472 cháu, tỷ lệ 95% (tăng 802 trẻ và tăng 1.8% so với năm học trước). Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân còn 3.5% (giảm 2.4% so với đầu năm), Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi còn 3.5% (giảm 2.57% so với đầu năm); 100% trẻ đến trường mầm non được chăm sóc sức khỏe tốt.

<sup>17</sup> Kết quả các môn học của HS tiểu học (điểm trung bình các môn học, gồm: Tiếng Việt, Toán, Lịch sử, Ngoại ngữ, Tin học): Hoàn thành tốt: 52,2% (tăng 0.6%); Hoàn thành: 4.18%; Chưa hoàn thành: 0.62% (giảm 0.12%) so với cùng kỳ năm học trước.

Tỷ lệ xếp loại Giỏi THPT: 16.58% (tăng 0.67%), THCS: 15.19% (tăng 1.21%); tỷ lệ học sinh yếu, kém THPT: 1.52% (giảm 0,2%), THCS: 2.75% (giảm 0.84%) so với cùng kỳ năm học trước.

Kết quả xếp loại học lực, học sinh khu vực miền núi: Loại giỏi THCS đạt 5.81% (tăng 1.11%); loại giỏi THPT đạt 3.83% (ổn định); loại yếu kém: THCS giảm 0.80%, THPT giảm 1.02% so với cùng kỳ năm học trước.

- Do phải nghỉ học ở trường để phòng chống COVID-19 nên kế hoạch năm học 2019-2020 phải kéo dài đến ngày 15/7/2020 mới kết thúc năm học.

- Chất lượng giáo dục tuy được nâng lên song chưa đồng đều ở các vùng miền trong tỉnh, chất lượng dạy và học ngoại ngữ còn thấp.

- Việc vận dụng lý thuyết với kỹ năng thực hành ở một bộ phận học sinh còn hạn chế. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Đội ngũ giáo viên thiếu về số lượng; nguồn lực tài chính đầu tư cho giáo dục hạn chế, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm còn thiếu.

## **8. Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở GDĐT**

### *8.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Sở GDĐT*

- Tiếp tục hướng dẫn, triển khai, chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện có hiệu quả việc phân cấp quản lý và thực hiện công khai, minh bạch trong cơ sở giáo dục<sup>18</sup>.

- Tăng cường giao quyền chủ động cho các cơ sở GDĐT xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng phát triển năng lực học sinh, phù hợp với thực tiễn; tăng cường quyền chủ động trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục gắn với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ CBQL.

### *8.2. Kết quả thực hiện*

- Các cơ sở giáo dục mầm non, GDĐT bước đầu được chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học của Bộ GDĐT, của UBND tỉnh phù hợp với thực tế.

- Thực hiện được công khai thông tin về các điều kiện đảm bảo cho nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động của nhà trường, như: CSVC, thiết bị dạy học; đội ngũ giáo viên; kết quả giáo dục trong năm học theo quy định.

Công khai, minh bạch rộng rãi, kịp thời trên các hệ thống truyền thông, cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT để cán bộ, giáo viên, học sinh và nhân dân được biết, như: Quy định điều chuyển, tuyển dụng giáo viên; công tác đề bạt, quy hoạch nguồn CBQL, chế độ, chính sách cán bộ, giáo viên, học sinh; kết quả các kỳ thi trong năm học...

### *8.3. Khó khăn, hạn chế*

Cơ chế chính sách về tự chủ chưa đồng bộ; công tác tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đào tạo còn hạn chế. Việc giao quyền tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học mới chỉ thực hiện thí điểm, chưa thành nhu cầu nội tại của các trường; điều kiện tự chủ mới tiếp cận chủ yếu từ góc độ về tài chính; chưa tính đến năng lực chuyên môn và năng lực tổ chức quản lý của các cơ sở đào tạo. Trong quá trình thực hiện, nhiều cơ sở đào tạo chưa nhận thức đúng và đầy đủ về

---

<sup>18</sup> Nghị định 127/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước trong giáo dục; Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục.

tự chủ. Một số cơ sở giáo dục chưa thực hiện tốt công khai, minh bạch theo quy định Thông tư 36/2017 của Bộ GDĐT.

## **9. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo**

### *9.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Sở GDĐT*

Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng chiến lược, kế hoạch hợp tác quốc tế; chỉ đạo các trường đại học trực thuộc tỉnh chủ động, tích cực hợp tác đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh.

### *9.2. Kết quả đạt được*

- Công tác hợp tác quốc tế từng bước được tăng cường; các cơ sở giáo dục đào tạo đã chủ động, tích cực phối hợp liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài, phối hợp đào tạo nhân lực cho Cộng hòa DCND Lào có hiệu quả.

- Công tác tư vấn du học trên địa bàn tỉnh từng bước được quản lý chặt chẽ theo quy định của Bộ GDĐT. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 52 đơn vị đăng ký chính thức tổ chức hoạt động tư vấn du học.

*9.3. Hạn chế, tồn tại:* Các điều kiện cơ bản cho hội nhập còn hạn chế, kết quả chưa cao. Công tác quản lý hoạt động tư vấn du học trên địa bàn tỉnh còn thiếu kinh nghiệm.

Do đại dịch COVID-2019 bùng phát, thế giới và trong nước thực hiện giãn cách xã hội, hoạt động xuất, nhập cảnh phải ngừng, các trung tâm phải đóng cửa, đã ảnh hưởng khó khăn cho các trung tâm.

## **III. Tình hình thực hiện các giải pháp**

### **1. Xây dựng ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành; công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường**

Toàn ngành tập trung tham mưu, ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; tổ chức góp ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có chất lượng.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường công khai chất lượng giáo dục, công khai minh bạch thủ tục hành chính; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thủ tục hành chính không còn phù hợp theo quy định; thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công; tiếp nhận, xử lý phản ánh, ý kiến của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

Tiếp tục thực hiện tốt việc đổi mới hoạt động thanh tra<sup>19</sup>; tập trung thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giáo dục; củng cố, ổn định đội ngũ

---

<sup>19</sup> Theo Nghị định 42/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 5972/CT-BGDĐT ngày 20/12/2016 của Bộ GDĐT về tăng cường công tác thanh tra giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT.

thanh tra viên đủ về số lượng, vững vàng, tinh thông về nghiệp vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cơ sở giáo dục trên địa bàn; tập trung thanh tra công tác quản lý, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, trường học.

Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện kịp thời các sai phạm và xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật những tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế chuyên môn; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý dạy và học ở các cơ sở giáo dục<sup>20</sup>.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục tiếp tục được quan tâm và có bước chuyển biến tích cực<sup>21</sup>.

Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục đã từng bước đi vào nền nếp, góp phần củng cố, duy trì kỷ cương dạy và học trong các nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục.

## **2. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp**

Toàn ngành đã tập trung đổi mới công tác quản lý, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; khuyến khích đội ngũ quản lý năng động, sáng tạo, giám nghĩ, giám làm; đổi mới công tác tham mưu; công tác tổ chức thực hiện, công tác phối hợp, công tác kiểm tra, đánh giá.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị, nâng cao trình độ chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo.

Công tác đánh giá, xếp loại CBQL giáo dục, công tác đề bạt CBQL các cơ sở giáo dục đảm bảo dân chủ, công khai, đúng quy trình; đồng thời xử lý kịp thời, nghiêm minh những CBQL vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nhà giáo...

Thường xuyên phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng và Nội san Giáo dục Thanh Hóa.

## **3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục đào tạo**

Ngành Giáo dục đã thực hiện có hiệu quả các nguồn lực thông qua phong trào xã hội hóa giáo dục, công tác khuyến học, khuyến tài, thu hút đầu tư phát triển giáo dục<sup>22</sup>.

---

<sup>20</sup> Kết quả trong năm học đã tổ chức 13 cuộc thanh tra (trong đó thanh tra kế hoạch 8; thanh tra đột xuất 5); xác minh 905 VB (trong đó không có trong danh sách 780; không đủ điều kiện xác minh là 35); giải quyết khiếu nại tố cáo 20 đơn thư, trong đó đã giải quyết 19; phản hồi kết quả 17);

<sup>21</sup> Kết quả KĐCLGD cơ sở GD mầm non, cơ sở GD phổ thông: Số trường đã hoàn thành tự đánh giá: 2051 (MN 684; TH 628, THCS 642; THPT 97; số trường được đánh giá ngoài theo Thông tư 17, 18, 19 là 302 trường (MN 89; TH 86; THCS 118; THPT 9).

<sup>22</sup> Thực hiện Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND về việc ban hành chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, từ 2017 đến nay có 20 dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đầu tư, gồm: Bạc học mầm non 14 dự án tổng mức đầu tư 394.486 triệu đồng; Cấp phổ thông 06 dự án với tổng mức đăng ký đầu tư 2.855.322 triệu đồng.

Hàng năm, nguồn kinh phí từ xã hội hóa giáo dục đã hỗ trợ các nhà trường để tu sửa CSVC, cải tạo khuôn viên, mua sắm đồ dùng phục vụ dạy học.

Trong năm học, Ngành đã phối hợp có hiệu quả với Hội Khuyến học tỉnh, các cơ quan thông tin truyền thông tổ chức kêu gọi xây dựng quỹ và trao học bổng hàng chục tỉ đồng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn vươn lên học giỏi nhân dịp tết cổ truyền dân tộc; đồng thời chuẩn bị kế hoạch trao thưởng những học sinh đạt điểm cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 khi có kết quả kỳ thi.

#### **4. Đổi mới công tác thi, tuyển sinh**

Tập trung chỉ đạo, triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, UBND tỉnh về công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục đến Phòng GDĐT các huyện, thị, thành phố và các cơ sở giáo dục.

Tham mưu có hiệu quả với UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công tác thi trong năm học 2019-2020, nhất là kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2020-2021; kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 phù hợp với tình hình vừa chống dịch COVID-2019 vừa đảm bảo kỳ thi an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế; công tác ứng dụng phần mềm tuyển sinh trực tuyến, công khai chỉ tiêu, kết quả thi, xét tuyển nhanh, chính xác.

Chỉ đạo thực hiện đổi mới hình thức tổ chức các kỳ thi, hội thi trong năm học đảm bảo gọn nhẹ, nghiêm túc, khách quan, tạo điều kiện thuận lợi cho người học; thực hiện chặt chẽ, bảo mật an toàn quy trình tổ chức thi, từ khâu làm đề thi, in sao đề thi, coi thi, chấm thi, xét kết quả thi cho đến chấm phúc khảo thi đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế và thực chất.

Các kỳ thi đã diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế; góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục; nâng cao hiệu quả công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục.

#### **5. Công tác truyền thông về giáo dục đào tạo**

Toàn ngành đã quan tâm, đầu tư nhiều hơn cho công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận, ủng hộ về các chủ trương đổi mới của ngành. Xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, thiết thực, bài bản với sự tham gia của các cơ quan báo, đài, các cơ sở giáo dục và đặc biệt là các thầy giáo, cô giáo, CBQL giáo dục các cấp. Chủ động cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội về các hoạt động của ngành. Các phòng GDĐT huyện, thị, thành phố, các cơ sở giáo dục đã cử cán bộ phụ trách công tác truyền thông.

Phối hợp chặt chẽ với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tăng cường tổ chức tuyên truyền phòng, chống COVID-19 trong cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh theo hướng dẫn của Bộ, tỉnh và ngành Y tế; tổ chức giảng dạy qua truyền hình, khắc phục tình trạng học sinh không đến trường, nhưng không nghỉ học.

Qua công tác truyền thông đã giúp phụ huynh học sinh, các cấp, các ngành và toàn xã hội hiểu hơn về giáo dục, thấy được những nỗ lực, cố gắng của toàn ngành, đồng thời cũng thấy được những khó khăn, bất cập trong ngành giáo dục để các cấp, các ngành và toàn xã hội quan tâm giải quyết.

#### **IV. Đánh giá chung**

##### **1. Ưu điểm**

Năm học 2019-2020, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, song toàn ngành GDĐT đã có nhiều cố gắng, nỗ lực, tiếp tục duy trì, ổn định các hoạt động và đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, trong đó nổi bật là:

- Công tác tham mưu của Sở GDĐT với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn kịp thời, có hiệu quả; công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở GDĐT đến các cơ sở giáo dục đảm bảo sâu sát, quyết liệt.

- Chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ được củng cố, duy trì trên 27/27 huyện, thị xã, TP; chất lượng giáo dục đại trà có chuyển biến tốt (tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi tăng, học sinh xếp loại yếu giảm); chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục duy trì bền vững.

- Việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 đảm bảo tốt cả hai mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-2019, vừa đảm bảo kỳ thi an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế.

- Công tác chuẩn bị các điều kiện thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, bắt đầu từ năm học 2020-2021 được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc, đồng bộ.

- Cơ sở vật chất, thiết bị trường học tiếp tục được tăng cường; hoàn thành chỉ tiêu xây dựng phòng học kiên cố, cao tầng, trường đạt chuẩn quốc gia trước kỳ hạn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục được tăng cường, hoạt động có nền nếp, hiệu quả.

- Công tác phối hợp, kết hợp với các sở, ngành cấp tỉnh, UBND huyện, thị, thành phố ngày càng sát sao, hiệu quả. Đặc biệt là phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền và thực hiện nghiêm túc phòng, chống dịch bệnh COVID-2019 theo quy định của Bộ, tỉnh và ngành Y tế. 100% cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên được an toàn; 100% trường học đảm bảo an ninh trật tự...

- Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập là điểm sáng của giáo dục cả nước.

##### **2. Hạn chế**

- Chất lượng giáo dục tuy có chuyển biến tích cực, song chưa đồng đều ở các vùng miền trong tỉnh, nhất là các trường học khu vực vùng cao biên giới, vùng bãi ngang ven biển, khu vực nông thôn chất lượng còn thấp so với yêu cầu,

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tuy được quan tâm xây dựng song một số trường học còn khó khăn, nhất là các huyện vùng cao miền núi bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra, việc khắc phục hậu quả còn chậm<sup>23</sup>.

- Đội ngũ nhà giáo vừa thừa, vừa thiếu, chưa đồng bộ về cơ cấu bộ môn<sup>24</sup>.

### **3. Nguyên nhân hạn chế**

- Thanh Hóa là tỉnh có diện tích rộng, địa hình phức tạp, dân số đông (quy mô học sinh lớn thứ 3 trong cả nước).

- Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn, có 7/11 huyện miền núi thuộc huyện nghèo của cả nước<sup>25</sup>; bình quân thu nhập của người dân còn thấp; đại dịch COVID-19 bùng phát, diễn biến phức tạp.

- Năng lực quản lý giáo dục của một số CBQL còn hạn chế, chậm đổi mới; công tác tham mưu chưa hiệu quả.

- Trình độ, năng lực nghề nghiệp của một số giáo viên còn yếu, việc đổi mới phương pháp giảng dạy còn chậm, chưa chuyên tâm với nghề, chưa tự bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đời sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên tuy được nâng lên song vẫn còn thấp và khó khăn.

## **Phần hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM HỌC 2020 - 2021**

Năm học 2020-2021 là năm học đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng Bộ tỉnh Thanh Hoá lần thứ XIX; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2021-2025; cuộc bầu cử Quốc hội khoá XV và hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; cùng với phương châm hành động của Chính phủ trong năm 2020 “Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả”; trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm học 2019-2020 về việc triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 nhóm giải pháp cơ bản của ngành, khắc phục những hạn chế, tồn tại năm học 2019-2020, ngành Giáo dục tiếp tục tập trung thực hiện văn bản chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và hoàn thành các điều kiện để triển khai chương trình, sách giáo khoa từ năm học 2020-2021; triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục năm 2019.

---

<sup>23</sup>Giáo dục mầm non còn 15% số phòng học tạm; phòng học mượn, nhờ; nhiều trường học đã được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, sau 5 năm, CSVN đã xuống cấp nhưng không có kinh phí để bổ sung, nâng cấp, không đủ tiêu chuẩn để đề nghị công nhận lại.

<sup>24</sup>Thừa giáo viên văn hóa THCS; thiếu giáo viên tiểu học, mầm non, giáo viên dạy các môn đặc thù (Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học).

<sup>25</sup>Riêng số trường học thuộc khu vực miền núi có hơn 600 trường học (chiếm gần 1/3); khoảng cách địa lý từ xã này sang xã kia, từ bản này đến bản khác cách xa, nhiều suối chia cắt; đi lại khó khăn.

Ngành GDĐT Thanh Hóa tiếp tục tập trung thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện với phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

## **I. Phương hướng chung**

1. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch năm học 2020 - 2021; khắc phục, tạo sự chuyển biến căn bản các vấn đề về giáo dục và đào tạo mà xã hội quan tâm, dư luận bức xúc; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ, kỷ cương; tăng cường an ninh, an toàn trường học; chú trọng công tác giáo dục thể chất, y tế trường học; xây dựng văn hóa học đường, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên...

2. Giáo dục mầm non: Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non; đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao năng lực quản trị nhà trường gắn với thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non; giải quyết tình trạng thiếu giáo viên; tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

3. Giáo dục phổ thông: Tích cực triển khai, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Giáo dục đại học: Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục đại học; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra.

5. Giáo dục thường xuyên, giáo dục dân tộc: Xây dựng xã hội học tập; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

## **II. Các nhóm nhiệm vụ chủ yếu**

### **1. Tiếp tục sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp với thực tế và theo kế hoạch của UBND tỉnh**

1.1. Tiếp tục rà soát, quy hoạch mạng lưới cơ sở GDPT theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập<sup>26</sup>.

---

<sup>26</sup>Thực hiện Quyết định số 5308/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định sắp xếp các trường tiểu học, THCS, THPT có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về giải thể, sáp nhập các trường THPT. Phân đầu hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh giao giảm 114 trường công lập đến năm 2020.

1.2. Đối với khu vực thị xã, thành phố, quy hoạch trường, lớp theo hướng mở rộng ra khu vực ngoại ô để khắc phục tình trạng sĩ số lớp quá đông do thiếu quỹ đất, tăng cường thành lập mới các trường tư thục chất lượng cao<sup>27</sup>.

1.3. Thực hiện việc rà soát, đánh giá điều kiện hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non; kiên quyết đình chỉ các nhóm, lớp độc lập tư thục không đảm bảo điều kiện theo quy định; thực hiện quy hoạch trường, lớp phải gắn với việc chuẩn bị CSVN, đào tạo đội ngũ giáo viên và đổi mới chương trình GDPT.

## **2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL giáo dục các cấp**

2.1. Thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

2.2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên gắn với việc bảo đảm các quy định về định mức số lượng giáo viên đối với các cấp học và trình độ đào tạo; tham mưu với UBND tỉnh kế hoạch tuyển dụng đội ngũ giáo viên, nhân viên hiện đang còn thiếu so với quy định.

2.3. Thực hiện bồi dưỡng giáo viên, CBQL giáo dục nâng cao năng lực giảng dạy và quản lý đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên.

2.5. Thực hiện tốt các chính sách phát triển đội ngũ: thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chế độ tiền lương và các phụ cấp theo lương, trợ cấp khác; công tác đánh giá, khen thưởng nhằm nâng cao đời sống, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề.

## **3. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông; triển khai chương trình, sách giáo khoa GDPT mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên, bảo đảm an toàn trường học**

3.1. Tăng cường các điều kiện nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non; nâng cao tỷ lệ trẻ ăn bán trú và chất lượng bữa ăn bán trú; quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non; tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với văn hóa, điều kiện địa phương, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ; tăng cường phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ.

---

<sup>27</sup>Thực hiện Đề án “Cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”; Đề án “Cơ chế, chính sách phát triển các trường phổ thông công lập tự chủ”; Nghị quyết số 35/NQ-CP về huy động nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục trong giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025.

3.2. Tích cực chuẩn bị các điều kiện triển khai chương trình, sách giáo khoa mới; thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông.

3.3. Thực hiện tốt chủ trương giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS.

3.4. Chú trọng triển khai chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu học tập cho người lớn, bảo đảm linh hoạt về thời gian, địa điểm; tăng cường hướng dẫn kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

Tăng cường an ninh, an toàn trường học; chú trọng xây dựng môi trường văn hóa học đường, gắn giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục thể chất, y tế trường học.

3.5. Tăng cường đổi mới quản lý nhà nước trong hoạt động dạy - học tại các trung tâm GDNH-GDTX; thực hiện chương trình xóa mù chữ, chương trình giáo dục thường xuyên phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới.

3.6. Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc; nâng cao chất lượng giáo dục các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

#### **4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo**

4.1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án “Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025”; khuyến khích dạy các môn học khác bằng ngoại ngữ và dạy ngoại ngữ thông qua các môn học. Hướng dẫn chương trình, học liệu cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh.

4.2. Khảo sát, đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đạt chuẩn năng lực Tiếng Anh đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình ngoại ngữ theo chương trình GDPT mới.

4.3. Tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh theo chuẩn đầu ra; tăng cường rà soát, chỉ đạo, hướng dẫn công tác tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ quốc gia bảo đảm khách quan, chính xác.

4.4. Tăng cường các điều kiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin; đầu tư có trọng điểm hệ thống hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ trực tuyến và trên máy tính đáp ứng mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng chung.

4.5. Tăng cường đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc dạy và học ngoại ngữ các cấp học và trình độ đào tạo.

#### **5. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục**

5.1. Triển khai có hiệu quả các nghị quyết, đề án của Chính phủ về CNTT<sup>28</sup>; triển khai Chính phủ điện tử, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến.

5.2. Khai thác cơ sở dữ liệu toàn ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; tích hợp các hệ thống thông tin quản lý ngành hiện có vào cơ sở dữ liệu ngành; xây dựng và triển khai các phần mềm quản lý, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành.

5.3. Tăng cường triển khai giải pháp tuyển sinh trực tuyến đầu cấp học và sử dụng hồ sơ điện tử (sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc); triển khai mô hình giáo dục điện tử, lớp học thông minh theo đề án được phê duyệt.

5.4. Khai thác hiệu quả kho học liệu số, học liệu điện tử toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung, kho bài giảng e-learning, bản đồ số giáo dục trực tuyến và triển khai giải pháp dạy học kết hợp (blended learning) trong GDĐH.

5.5. Tiếp tục thực hiện các giải pháp số hóa, phát triển các hệ thống thông tin trên Hệ tri thức Việt số hóa; xây dựng Cổng thông tin “Trường Em” để chia sẻ thông tin về các nhà trường.

## **6. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở GDĐT**

6.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục của đơn vị phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ; xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức năng nghề nghiệp trình độ; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và quản lý viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật.

6.2. Thực hiện dân chủ trong trường học gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

6.3. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục; công khai các điều kiện về CSVC, đội ngũ nhà giáo đảm bảo chất lượng giáo dục; công khai công tác tài chính, các khoản thu, chi của đơn vị, nhà trường đảm bảo đúng mục đích và thiết thực.

6.4. Rà soát, hướng dẫn thực hiện, giám sát, kiểm tra, đánh giá, thành lập và hoạt động của Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục.

6.5. Xây dựng, tham mưu và triển khai thực hiện Đề án “Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các trường phổ thông (tiểu học, THCS, THPT) công lập tự chủ”.

## **7. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo**

---

<sup>28</sup> Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Đề án 117/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tăng cường ứng dụng CNTT trong GDĐT.

7.1. Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục mầm non, GDPT, giáo dục đại học đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua việc hợp tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài.

7.2. Thực hiện Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục; triển khai hiệu quả các thỏa thuận, các chương trình học bổng hiệp định.

7.3. Các cơ sở GDDH chủ động và tích cực mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, tăng số lượng các chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, chuyển giao công nghệ, liên kết đào tạo, công nhận tín chỉ, liên thông chương trình với các trường ĐH nước ngoài có uy tín để thu hút sinh viên, nhà khoa học nước ngoài đến học tập và nghiên cứu tại Việt Nam.

7.4. Tăng cường công tác quản lý đối với các chương trình liên kết giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo, các cơ sở giáo dục, đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và hoạt động tư vấn du học.

## **8. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động GDĐT**

8.1. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị thực hiện chương trình GDPT<sup>29</sup>, sách giáo khoa mới, đặc biệt là lớp 1.

8.2. Bổ sung xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, các phòng chức năng, bếp ăn, nhà vệ sinh, công trình nước sạch và mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học còn thiếu, trong đó chú trọng các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, bãi ngang ven biển.

8.3. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục; không đưa vào sử dụng các công trình trường, lớp học, nhà vệ sinh chưa bảo đảm an toàn theo quy định.

## **9. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao**

9.1. Thực hiện đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển hệ thống trường THPT chuyên, giai đoạn 2010-2020 của Bộ GDĐT; xác định phương hướng phát triển giai đoạn 2021-2030 nhằm tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, đất nước trong giai đoạn tới.

9.2. Gắn kết chặt chẽ phát triển GDĐT với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra.

9.3. Nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh, hoạt động dạy và học của Trường THPT chuyên Lam Sơn và các trường trọng điểm trên địa bàn.

9.4. Triển khai thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển không gian

---

<sup>29</sup> Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và GDPT giai đoạn 2017 - 2025.

khởi nghiệp sáng tạo trong các trường đại học; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh trong các cơ sở giáo dục đại học.

### **III. Giải pháp cơ bản**

#### **1. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, quy chế của ngành; đẩy mạnh cải cách hành chính về giáo dục đào tạo**

1.1. Tổ chức tuyên truyền, triển khai và thực hiện các văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục (sửa đổi); tiếp tục hướng dẫn và tổ chức thực hiện các Thông tư, Chỉ thị, Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT, của Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành và có hiệu lực hiện nay trên các lĩnh vực GDĐT.

1.2. Tiếp tục triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 của Bộ GDĐT.

1.3. Rà soát các vấn đề GDĐT trong toàn ngành để chủ động trong chỉ đạo, quản lý, thanh tra, kiểm tra đột xuất hoặc chỉ đạo các đơn vị thanh tra, kiểm tra.

#### **2. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của CBQL giáo dục các cấp**

2.1. Triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên CBQL giáo dục các cấp; ban hành tiêu chuẩn CBQL phòng, sở GDĐT; hướng dẫn đánh giá, phân loại, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBQL giáo dục theo tiêu chuẩn chức danh; thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, đạo đức lối sống đối với CBQL giáo dục.

2.2. Thực hiện tuyển dụng, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc theo đề án vị trí việc làm; đánh giá, phân loại công chức, viên chức bảo đảm thiết thực, khách quan, công bằng.

#### **3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục đào tạo**

3.1. Triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển GDĐT giai đoạn 2019-2025.

3.2. Huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư cho GDĐT; công khai quy hoạch, danh mục các dự án kêu gọi xã hội hoá giáo dục để thu hút nhà đầu tư; thực hiện các chính sách phát triển xã hội hóa giáo dục, đặc biệt là chính sách phát triển trường, lớp mầm non tại khu công nghiệp, khu chế xuất.

3.3. Đánh giá việc quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước chi cho giáo dục tại các địa phương; đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu của các đơn vị trong việc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; công khai kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm 2020.

#### **4. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục**

4.1. Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019; chỉ đạo, hướng dẫn, tăng cường công tác kiểm tra trước, trong

và sau kỳ thi nhằm tổ chức tốt các kỳ thi trong năm, đặc biệt là kỳ thi THPT quốc gia năm 2020.

4.2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo hoạt động của kiểm định chất lượng giáo dục; kiểm tra công tác quản lý văn bằng chứng chỉ, công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục để nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo.

4.3. Tăng cường thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục tại các cơ sở giáo dục theo hướng thống nhất, liên thông giữa các cấp học, các cấp quản lý giáo dục.

## **5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục đào tạo**

5.1. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDĐT, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của mọi tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới GDĐT, trước hết là việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

5.2. Chủ động thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về GDĐT và chủ động xử lý các vấn đề truyền thông về giáo dục.

5.3. Tăng cường truyền thông nội bộ; tổ chức truyền thông gương người tốt, việc tốt trong quá trình thực hiện đổi mới GDĐT, tạo sự đồng thuận trong toàn ngành và xã hội.

## **Phần 3**

### **KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

#### **1. Đối với Chính phủ**

- Quan tâm bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo để có nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học thuộc vùng khó khăn, bãi ngang ven biển; hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia, đặc biệt là phục vụ thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Giao đủ biên chế giáo viên theo định mức quy định cho các cơ sở giáo dục, nhất là khi số lượng học sinh tăng, số lớp tăng hàng năm (theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015), nếu không giao đủ biên chế giáo viên sẽ không đảm bảo được chất lượng giáo dục, không đảm bảo các điều kiện an toàn trong trường học, đặc biệt đối với trẻ mầm non.

- Quy định cụ thể, thống nhất về số lượng cán bộ, công chức làm việc tại phòng GDĐT cấp huyện để thực hiện đảm bảo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### **2. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Chỉ đạo toàn ngành thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới, trong đó cần tập trung chỉ đạo tốt các công việc: Triển khai tập huấn giáo

viên, cán bộ quản lý; lựa chọn sách giáo khoa lớp 1; xây dựng và thực hiện tài liệu giáo dục địa phương;

- Xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể dạy học 2 buổi/ngày để thống nhất trong việc chỉ đạo thực hiện một cách có hiệu quả; xây dựng nội dung chương trình, tài liệu hướng dẫn dạy học 2 buổi/ngày phù hợp.

- Xây dựng chính sách quy định, định mức lao động của giáo viên tiểu học cho lớp học 2 buổi/ngày (bố trí tối thiểu 1,65 giáo viên/lớp mới đáp ứng dạy học 2 buổi/ngày).

- Xem xét, tham mưu với Chính phủ về việc chi trả lương theo bảng cấp đổi với giáo dục mầm non vì theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ quy định tất cả hệ đào tạo (trung cấp, cao đẳng, đại học) đang hưởng một mức lương.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết năm học 2019-2020; phương hướng nhiệm vụ chủ yếu năm học 2020-2021 của Sở GDĐT Thanh Hoá. Ngành GDĐT Thanh Hóa mong được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ GDĐT, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự phối, kết hợp hiệu quả của các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; sự quan tâm ủng hộ của nhân dân các dân tộc trong tỉnh để Ngành Giáo dục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2021 và những năm tiếp theo./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ GDĐT (để báo cáo);
- VP Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Ban Giám đốc (chỉ đạo);
- Phòng GDĐT huyện, thị xã, TP; trường THPT; THCS-THPT, đơn vị trực thuộc (thực hiện);
- Các phòng Cơ quan Sở (thực hiện);
- Lưu VT, VP Sở GDĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Văn Thi**